

CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở QUẢNG BÌNH GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VĂN LẠC

Sau khi có Nghị định số 78/2002/ NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ “về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác”, ngày 10/4/2002, Liên Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông tư liên tịch số 06/2002/TTLB-BLĐTBXH-TC-BKHĐT hướng dẫn cơ chế quản lý Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm và lập quỹ giải quyết việc làm (GQVL) địa phương. Theo đó ngày 7/3/2003, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã có công văn 120/NHCSXH-KHNV về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn để GQVL. Qua một thời gian triển khai đã bộc lộ một số vướng mắc nên Tổng giám đốc lại có công văn 215/NHCS-KHNV và công văn 741/NHCS-KHNV nhằm bổ sung sửa đổi một số điều. Đến 5/8//2003, Tổng giám đốc lại có công văn 120A/NHCS-KHNV tổng hợp các văn bản trên thành một văn bản chung để chỉ đạo hoạt động nghiệp vụ này thay thế công văn 120/NHCSXH-KHNV. Đến ngày 5/4/2005, Thủ tướng Chính phủ chính thức có Quyết định 71/2005/QĐ-TTg “về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ Quốc gia về việc làm”. Quyết định này đã hủy bỏ các văn bản quy định vấn đề này trước đó. Sau gần 3 năm thực hiện, ngày 23/1/2008, Thủ tướng Chính phủ lại có Quyết định 15/2008/QĐ-TTg sửa đổi bổ sung một số điều. Và gần đây ngày 9/7/2015 lại có Nghị định 61/2015/NĐ-CP “Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm”, trong đó dành chương V đề cập về “Quỹ Quốc gia về việc làm”.

Điềm qua các văn bản ra đời như vậy để nói rằng, Trung ương đã rất quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động cho vay GQVL, có những văn

bản chỉ đạo hướng dẫn kịp thời, theo dõi triển khai qua thực tiễn để bổ sung sửa đổi cho phù hợp nhằm đẩy mạnh, mở rộng cho vay GQVL.

Nhìn lại 5 năm qua

Đây là chương trình cho vay nhận bàn giao từ Kho bạc Nhà nước, NHCSXH triển khai tiếp nối trong điều kiện, hoàn cảnh mới và trước những thách thức mới.

Quảng Bình vốn là một tỉnh kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ hộ đói nghèo qua điều tra giai đoạn 2006-2010 vẫn còn trên 32%; lao động thất nghiệp còn nhiều, lại ở rải rác khắp nơi. Những năm gần đây tăng lên đáng kể do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu. Do vậy, nhu cầu vay vốn để GQVL tăng lên gấp bội. Vượt qua những thử thách đó, NHCSXH đã cố gắng hết sức mình. Ngay từ khi có chủ trương bàn giao, NHCSXH tỉnh Quảng Bình đã chủ động đề xuất với các ngành liên quan thành lập đoàn thanh tra, đánh giá chất lượng nợ của từng dự án, đối chiếu trực tiếp đến 100% dự án vay vốn, từ đó có phương án quản lý tốt nợ nhận bàn giao cũng như biện pháp xử lý cụ thể phù hợp với từng món nợ, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền các cấp, các ngành, nhất là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, truyền đạt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, tập huấn đến các tổ tiết kiệm vay vốn, các tổ chức chính trị xã hội, mở rộng thêm mạng lưới...

Bám sát mục tiêu của Nghị quyết Đảng bộ tỉnh, NHCSXH triển khai cho vay GQVL được xác định là một nhiệm vụ kinh tế chính trị trọng tâm.

Nhờ những cố gắng đó, từ năm 2011-2015, đã có hơn 6.400 lượt khách hàng vay với tổng mức 128 tỷ đồng, đưa số khách hàng còn vay

đến cuối năm 2015 lên 4.494 khách hàng, với tổng dư nợ lên 87,127 tỷ đồng so với cuối năm 2010 tăng 44%. Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao, nợ quá hạn giảm đáng kể từ thời điểm nhận bàn giao là 6%, năm 2010 là 2,15% thì đến cuối 2015 chỉ còn 0,57% trên tổng dư nợ cho vay GQVL.

Các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào các ngành nghề như trồng trọt, chăn nuôi chiếm trên 50%, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản chiếm 33%, tiểu thủ công nghiệp dịch vụ khác là 17%. Trong các dự án cho vay thì dự án thuộc kinh tế hộ chiếm gần 98%, tập trung ở vùng nông thôn, thu hút chủ yếu là lực lượng lao động nông nghiệp nhàn rỗi, các dự án thuộc cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư theo mô hình kinh tế trang trại đến các dự án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm hơn 2%, chủ yếu ở thành phố và thị trấn... Nhiều dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao và trở thành mô hình mẫu trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm tại địa phương. Điển hình như dự án nuôi tôm sú trên cát của 7 hộ tại xã Nhân Trạch (huyện Bố Trạch) vay 130 triệu đồng. Các hộ đã xây dựng 5 hồ nuôi tôm sú trên cát góp phần tạo việc làm cho 7 lao động với thu nhập bình quân 1,6 triệu đồng/lao động/tháng. Dự án chăn nuôi tổng hợp của anh Đặng Văn Châu tại xã Đức Ninh (thành phố Đồng Hới) vay 150 triệu đồng, đã tạo việc làm thường xuyên cho 8 lao động với thu nhập 2 triệu đồng/lao động/tháng. Dự án chăn nuôi của trang trại anh Phan Xuân Miên ở xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa) vay 100 triệu đồng chăn nuôi lợn, gà, nay đã trở thành địa chỉ tin cậy cung cấp con giống và nguồn thực phẩm cho địa phương, GQVL cho 5 lao động với thu nhập bình quân 1,9 triệu đồng/lao động/tháng. Dự án làm nghề mây xiên của chủ dự án Phan Văn Minh ở thôn Hà Tiến, xã Quảng Tiến (huyện Quảng Trạch) vay số tiền 20 triệu đồng, giúp hộ phát triển nghề



Một cơ sở nuôi tôm sú trên cát

Ảnh: V.L

mây xiên, thu hút và tạo việc làm ổn định cho 2 lao động mới.

Đặc biệt, NHCSXH đã phối hợp chặt chẽ với Hội Người mù tỉnh giúp đỡ hoàn chỉnh thủ tục giải ngân cho 164 hội viên người mù được vay trên 1,084 tỷ đồng để phát triển kinh tế gia đình, góp phần giúp họ hòa nhập với cộng đồng, xóa dần mặc cảm với người khiếm thị, tạo thêm lòng tin yêu với Đảng và Nhà nước, từng bước tạo lập cho họ độc lập về kinh tế gia đình.

Nhờ đầu tư đúng hướng nên chương trình cho vay GQVL đã góp phần không nhỏ trong thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (2011-2015): Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 11%, là giai đoạn có mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay... Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3,5-4%/năm, sản lượng lương thực đạt 28,4 vạn tấn vượt 7% so với kế hoạch, GQVL cho 3,1 vạn lao động đạt 100% kế hoạch.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chương trình triển khai cho vay GQVL ở Quảng Bình cũng bộc lộ những tồn tại và vướng mắc nhất định. Đó là:

Thứ nhất, một số quy định chậm được sửa đổi bổ sung kịp thời

Mức cho vay tối đa mỗi hộ không quá 20

triệu đồng/hộ gia đình quy định từ năm 2008 là chưa phù hợp với tình hình mới. Từ năm 2008 đến năm 2015, chỉ số CPI hàng năm đã có sự biến động lớn. Mức vay đó chỉ có thể đáp ứng yêu cầu của những hộ gia đình sản xuất chăn nuôi nhỏ lẻ; còn những hộ sản xuất chăn nuôi lớn tổng hợp đòi hỏi phải cao hơn nhiều. Đến khi có Nghị định 61/2015/NĐ-CP thì đã sửa đổi, nhưng trong những năm qua đó là một trong những nguyên nhân làm giảm số khách hàng và tăng trưởng dư nợ.

Theo điều 5 của Quyết định 171/2005/QĐ-TTg thì đối tượng được thụ hưởng gồm có: nhóm đối tượng “cơ sở sản xuất kinh doanh” và “hộ gia đình”. Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, tổ hợp tác, hộ kinh doanh; lại thêm hộ gia đình nữa. Như vậy đối tượng rất rộng không phù hợp với tính chất của Quỹ cho vay GQVL vốn hạn hẹp, có lãi suất ưu đãi, chỉ đầu tư cho những dự án thu hút nhiều lao động và tạo ra nhiều việc làm nhất. Đã thế điều kiện được vay vốn của từng đối tượng trong nhóm đối tượng “cơ sở sản xuất kinh doanh” không hề đề cập đến điều kiện phải đảm bảo thu hút bao nhiêu lao động, tạo bao nhiêu chỗ làm việc mới, mà chỉ nói chung chung “phải có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới thu hút thêm lao động vào việc làm ổn định”. Đối tượng hộ gia đình tuy có ràng buộc điều kiện “phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu một chỗ làm việc mới” nhưng điều kiện đó thì hộ gia đình nào chắc cũng đạt được.

Nguồn vốn chưa đáp ứng được nhu cầu. Theo đánh giá của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thì vốn GQVL mới đáp ứng khoảng 30-35% yêu cầu. Điều đó cũng đúng với thực trạng tại NHCSXH Quảng Bình. Chỉ nhìn lại từ năm 2011 đến 2015 thì nguồn vốn dao động chỉ từ 67-87 tỷ đồng là cao nhất, bình quân mỗi năm chỉ tăng 4% nên dư nợ cũng chỉ dao động từ 69-87 tỷ đồng, bình quân mỗi năm chỉ tăng 3,6%.

Theo Thông tư 107/2005/TT-BTC về việc hướng dẫn quản lý sử dụng Quỹ GQVL tại địa

phương có quy định: “Hàng năm UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào khả năng ngân sách địa phương, nhu cầu GQVL và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bố trí một phần kinh phí trong dự toán để lập Quỹ việc làm địa phương”. Quy định này không nói rõ tỷ lệ bao nhiêu trong dự toán nên thiếu cơ sở để kiểm điểm việc thực hiện. Quảng Bình trong những năm qua bình quân hàng năm chỉ tăng 2-3 tỷ đồng, trong lúc các tỉnh trong khu vực bình quân hàng năm tăng 7-8 tỷ đồng.

Nguồn vốn huy động từ NHCSXH qua tổ tiết kiệm vay vốn và tại ngân hàng chưa được là bao, nguyên nhân vì cơ chế huy động còn “cứng”, hình thức huy động còn đơn điệu lãi suất thường thấp và không có cơ chế khuyến mại như các ngân hàng thương mại khác.

Theo văn bản 2539/NHCS/TD hướng dẫn ở khoản 4-3 điều 4 về thời hạn cho vay mua sắm máy móc phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải thủy bộ loại vừa và nhỏ, ngư cụ nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản chỉ từ 24-36 tháng, trong lúc thời gian khấu hao của loại máy móc thiết bị này nhiều loại phải từ 7 năm trở lên... Hầu hết các chủ dự án không có vốn tự có hay có không đáng kể. Quy định như vậy rõ ràng trích khấu hao hàng năm không thể trả nợ đầy đủ đúng hạn.

Thứ hai, sự phối hợp giữa NHCSXH với công tác khuyến nông, lâm, ngư, dạy nghề và lồng ghép các chương trình khi cho vay của NHCSXH là rất cần thiết và quan trọng nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi, nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ mới, nâng cao chất lượng lao động trong sản xuất kinh doanh góp phần tăng năng suất lao động, sản lượng và suy cho cùng là nâng cao hiệu quả vốn vay. Những năm qua tuy có phối hợp nhưng chưa thường xuyên liên tục do giữa NHCSXH và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, dạy nghề chưa có một quy chế phối hợp.

Thứ ba, nhiều hộ vay ý thức trả nợ kém, tỷ lệ trả nợ theo phân kỳ mới đạt 40% tổng nợ đến hạn, tỷ lệ thu nợ kỳ cuối đạt 5,8%, dẫn đến gia

hạn nợ chiếm 50% tổng số nợ phải trả làm ảnh hưởng đến nguồn vốn quay vòng. Thế nhưng chủ tịch xã, phường không có trách nhiệm gì về việc đó (đối với cho vay ủy thác qua các tổ chức chính trị xã hội mà chủ tịch xã, phường và NHCSXH đã phê duyệt danh sách cho vay).

Thứ tư, Nghị định 61/2015/NĐ-CP tuy mới triển khai nhưng bước đầu nghiên cứu đã thấy bộc lộ một số vướng mắc nhất định về đối tượng được vay vốn, về lãi suất, về công tác thẩm định cho vay...

Giải pháp để phát triển bền vững

Để phát triển bền vững, đáp ứng được nhu cầu vay GQVL phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cần một số giải pháp sau:

- Đối với Chính phủ: Nghiên cứu xem xét sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 61/2005/NĐ-CP. Trong đó, nên chăng hạn chế đối tượng được vay vốn bằng cách có thể tăng thêm điều kiện của đối tượng được vay vốn đối với cơ sở sản xuất kinh doanh. Ngoài đảm bảo sử dụng người lao động là tàn tật hay dân tộc thiểu số theo tỷ lệ như quy định còn cần thêm điều kiện đảm bảo tỷ lệ sử dụng số lao động tạo việc làm mới là bao nhiêu (có thể từ 5-10% chẳng hạn). Đồng thời có thể xếp theo trật tự ưu tiên cơ sở sản xuất kinh doanh nào có tỷ lệ sử dụng lao động mới cao, thấp.

Để rút ngắn thời gian, việc trình duyệt nên nghiên cứu giao thẳng cho NHCSXH xem như giao “trọn gói” cho NHCSXH, không phải trình duyệt qua Ủy ban huyện hay thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh. Nếu ủy thác qua các tổ chức chính trị xã hội thì do chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt, dự án vay đến mức 50 triệu đồng.

Bổ sung vào điều 23 một khoản: lãi suất cho vay cho 3 kỳ hạn khác nhau: ngắn, trung, dài hạn để đảm bảo hợp lý và từng bước chuyển dần từ cơ chế ưu đãi qua cơ chế thị trường.

- Đối với Bộ Tài chính: Cần giữ nguyên tinh thần của Thông tư 107/2005/TT-BTC về việc hướng dẫn quản lý sử dụng Quỹ GQVL tại địa phương. Nhưng tùy theo khả năng ngân sách từng loại tỉnh để quy định một tỷ lệ nhất

định theo loại tỉnh để các tỉnh dễ thực hiện và có cơ sở để kiểm điểm.

- Đối với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cần chủ trì phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính để tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ tìm nguồn vốn như nguồn vốn của chủ đầu tư ủy thác, vốn ODA có thời hạn dài, lãi suất thấp để bổ sung Quỹ cho vay GQVL.

- Đối với NHCSXH Việt Nam: Tuy NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng có làm nhiệm vụ huy động vốn, nhất là huy động vốn trong dân cư như các ngân hàng thương mại khác nên cơ chế huy động vốn cần năng động, mềm dẻo hơn (nhiều sản phẩm dịch vụ huy động đa dạng, lãi suất linh hoạt hơn và có khuyến mại) mới có thể cạnh tranh để tăng nguồn vốn huy động. Cần phối hợp với các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, dạy nghề để có quy chế phối hợp tạo sự đồng bộ nhịp nhàng, thường xuyên từ Trung ương đến cơ sở giúp đỡ các đối tượng được vay vốn tăng khả năng hiểu biết về kỹ thuật, quy trình công nghệ, nâng cao trình độ tay nghề để tăng năng suất lao động và hiệu quả trong cho vay GQVL. Nghiên cứu để có một hướng dẫn về thẩm định cho vay toàn diện từ thẩm định về chủ dự án, về tính khả thi, quy mô dự án, hiệu quả và khả năng trả nợ; tiến tới có tổ chức bộ máy tách cán bộ thẩm định riêng để đảm bảo tính khách quan trong xác định hiệu quả và quyết định cho vay.

Văn bản 3798/NHCSXH/TD cần bổ sung một điều về trách nhiệm của chủ tịch cấp xã, phường đối với những trường hợp cho vay ủy thác qua các tổ chức chính trị xã hội khi chủ dự án không trả được nợ đến hạn. Cần sửa đổi quy định ở điều 4 khoản 4-3 của văn bản 2539/NHCSXH/TD nói trên về thời hạn cho vay đối với các loại thiết bị, nên nâng lên tối đa là 5 năm như Nghị định 61 hiện hành. Mặt khác đòi hỏi khách hàng khi vay các đối tượng này phải có một phần tự có để có thể trích khấu hao 5 năm vẫn trả đầy đủ đúng hạn nợ ngân hàng ■